

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Tháng 11 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Mạc Đĩnh Chi, P.ĐaKao, Quận 1, Tp.HCM

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9-25

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103003108 ngày 01/02/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký lần đầu ngày 07/02/2005.

Vốn đầu tư của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nắm giữ 6.900.000 cổ phần tương ứng với 69.000.000.000 đồng, chiếm 46% vốn điều lệ.
Các cổ đông khác nắm giữ 8.100.000 cổ phần tương ứng với 81.000.000.000 đồng, chiếm
- 54% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 theo giấy chứng nhận kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, giống cây trồng (không sản xuất tại trụ sở);
Sản xuất, mua bán thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống;
- Dịch vụ bảo vệ thực vật, cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
Mua bán hạt nhựa;
- Cho thuê kho, văn phòng, máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược, xe tải;
Dịch vụ quảng cáo thương mại, tiếp thị, nghiên cứu thị trường.
-

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Các đơn vị thành viên hạch toán độc lập: thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị hạch toán độc lập trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Nông Dược Hai Qui Nhơn - Là công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết là 100%.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại 30/09/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY). Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Thanh Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Quách Thành Đồng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Châu Thành Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Công Chiến	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Tăng Phi Oanh	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tri Phương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hà Minh Tiếp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thanh Cương	Tổng Giám đốc
Ông Quách Thành Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Công Chiến	Giám đốc Kinh doanh
Ông Dương Châu Thường	Giám đốc Quảng bá tiếp thị
Bà Trần Tăng Phi Oanh	Giám đốc Nhân sự hành chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai (Công ty mẹ) và các Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con).

Vốn đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng đầu tư tài chính và được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài Chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Thanh Cường
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2009

Số. /2009/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009
của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI tại thời điểm 30/09/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Gia Đạt
Phó Giám đốc
Chúng tôi Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Trần Quý Phán
Kiểm toán viên
Chúng tôi Kiểm toán viên số: 0510/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	448.075.909.054	466.414.325.208
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 V.1	32.087.472.823	31.292.589.810
1. Tiền	111	32.087.472.823	31.292.589.810
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 V.2	5.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130	219.098.261.766	207.403.666.517
1. Phải thu khách hàng	131	145.377.218.918	176.247.493.252
2. Trả trước cho người bán	132	76.303.383.041	6.485.365.050
5. Các khoản phải thu khác	135	189.545.333	29.014.289.500
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(2.771.885.526)	(4.343.481.285)
IV. Hàng tồn kho	140 V.3	173.596.050.960	221.639.485.568
1. Hàng tồn kho	141	173.596.050.960	221.639.485.568
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	18.294.123.505	6.078.583.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	175.783.133	44.151.295
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.836.406.479	2.396.451.586
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	17.335.096	618.510.503
5. Tài sản ngắn hạn khác	158 V.4	16.264.598.797	3.019.469.929
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	105.318.869.875	94.171.254.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	62.397.442.594	62.151.316.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.5	9.980.401.162	9.940.442.784
- Nguyên giá	222	19.915.842.100	18.882.334.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(9.935.440.938)	(8.941.891.770)
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.6	52.388.470.003	7.293.980.159
- Nguyên giá	228	53.514.676.546	7.677.667.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(1.126.206.543)	(383.687.221)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 V.7	28.571.429	44.916.893.404
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	40.447.164.034	29.220.986.608
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252 V.8	22.086.222.795	12.225.339.600
3. Đầu tư dài hạn khác	258 V.9	34.844.040.000	34.844.040.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259 V.10	(16.483.098.761)	(17.848.392.992)
V. Tài sản dài hạn khác	260	2.474.263.247	2.798.951.350
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 V.11	2.453.321.012	2.755.087.985
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262 V.12	20.942.235	43.863.365
VI. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	553.394.778.929	560.585.579.513

Các Thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

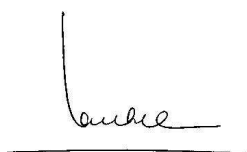
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	195.698.309.478	221.172.768.731
I. Nợ ngắn hạn	310	195.581.931.922	221.047.774.125
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.13	144.616.585.532	149.623.298.885
2. Phải trả người bán	312	24.116.867.474	55.836.323.157
3. Người mua trả tiền trước	313	12.095.797.140	7.523.394.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.15	6.366.480.507	1.847.120.776
5. Phải trả người lao động	315	16.991.000	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.14	8.369.210.269	6.217.636.970
II. Nợ dài hạn	330	116.377.556	124.994.606
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	116.377.556	124.994.606
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	357.696.469.451	339.412.810.782
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.16	351.645.012.849	332.696.624.112
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	144.999.980.000	144.999.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	113.582.394.000	113.582.394.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	54.810.085.132	47.891.305.084
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	3.708.349.844	3.708.349.844
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	34.544.203.873	22.514.595.184
II. Quỹ khác	430	6.051.456.602	6.716.186.670
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	6.051.456.602	6.716.186.670
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	553.394.778.929	560.585.579.513

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2009

Giám đốc tài chính



Nguyễn Huỳnh Đăng

Tổng Giám đốc



Đặng Thanh Cương

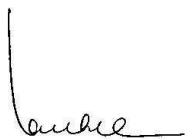
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	554.860.537.662	635.522.674.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	554.860.537.662	635.522.674.903
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	457.798.003.735	536.094.032.137
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	97.062.533.927	99.428.642.766
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	2.083.656.113	4.607.748.066
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	26.089.681.951	49.440.445.626
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	7.162.740.492	13.612.516.738
8. Chi phí bán hàng	24 VI.5	21.717.114.993	25.777.836.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.6	3.759.383.841	10.014.932.327
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	47.580.009.255	18.803.176.400
11. Thu nhập khác	31	6.340.070.225	10.771.811.233
12. Chi phí khác	32	59.300	303.139.139
Lợi nhuận khác	40	6.340.010.925	10.468.672.094
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	69.597.957	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	53.989.618.137	29.271.848.494
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 VI.7	5.498.209.172	6.978.745.568
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52 VI.8	22.921.130	67.774.004
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	48.468.487.835	22.225.328.922
18.1 <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61	-	-
18.2 <i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	62	48.468.487.835	22.225.328.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70 VI.9	3.343	1.619

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2009

Giám đốc tài chính



Nguyễn Huỳnh Đăng

Tổng Giám đốc



Đặng Thanh Cường

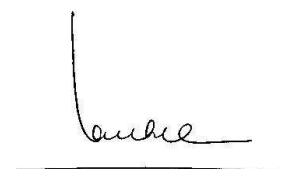
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	621.627.134.922	652.194.121.691
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(522.900.546.856)	(588.897.010.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.786.482.187)	(12.861.676.708)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.162.740.492)	(14.481.210.071)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(130.994.825)	(15.326.716.985)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.994.214.323	15.759.316.499
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(57.506.426.323)	(59.650.326.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.134.158.562	(23.263.503.036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.765.661.054)	(47.848.814.577)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	521.550.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.794.388.336)	(35.317.629.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.004.657.938	2.584.728.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.555.391.452)	(80.055.165.810)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	139.714.080.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	330.761.029.439	386.357.089.693
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(345.238.045.434)	(368.598.806.355)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(34.700.016.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.477.015.995)	122.772.347.338
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.101.751.115	19.453.678.492
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.292.589.810	11.801.479.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(306.868.102)	37.431.754
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.087.472.823	31.292.589.810

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2009

Giám đốc tài chính



Nguyễn Huỳnh Đăng

Tổng Giám đốc



Đặng Thanh Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103003108 ngày 01/02/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký lần đầu ngày 07/02/2005.

Vốn đầu tư của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước nắm giữ 6.900.000 cổ phần tương ứng với 69.000.000.000 đồng, chiếm 46% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 8.100.000 cổ phần tương ứng với 81.000.000.000 đồng, chiếm 54% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 theo giấy chứng nhận kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, giống cây trồng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống;
- Dịch vụ bảo vệ thực vật, cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Mua bán hạt nhựa;
- Cho thuê kho, văn phòng, máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược, xe tải;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại, tiếp thị, nghiên cứu thị trường.

3. Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính

Công ty TNHH Nông Dược Hai Qui Nhơn

Địa chỉ: Đường Tô Hiệu, Cụm Công nghiệp Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Qui Nhơn, Bình Định.

- Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

4. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

4.1 Công ty TNHH Hai Minh Long

- Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 50%
- Đồng kiểm soát.

4.2 Công ty TNHH Bốn Đúng

- Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 50%
- Tỷ lệ biểu quyết: 50%

4.3 Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kong

- Vốn điều lệ 27.200.000.000 đồng.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 30%
- Tỷ lệ biểu quyết: 30%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/10 đến 30/09 năm dương lịch kể từ năm 2009. Riêng năm tài chính 2009 bắt đầu từ 01/01 đến 30/09.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc "Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp", Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai (Công ty mẹ) và các Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con và Công ty mẹ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Các khoản dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

6. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục nợ phải trả có gốc ngoại tệ được xử lý theo thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 của Bộ Tài Chính.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá. Trong đó, quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Quyền sử dụng đất	33 - 50
Nhãn hiệu hàng hóa	03
Phần mềm máy vi tính	03

9. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

10. Thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 25% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty Cổ phần Nông Dược Hai được hưởng ưu đãi theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP cho doanh nghiệp cổ phần hóa và ưu đãi theo công văn 11924TC/CST của Bộ Tài chính quy định cho các công ty niêm yết lần đầu tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán. Theo đó, Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong vòng 5 năm kể từ năm 2007. Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính ban hành, Công ty là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nên được giảm 30% thuế thu nhập trong năm 2009.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và được cộng gộp sau khi đã xác định tại các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan tổ chức có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó sẽ không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	752.206.111	320.457.878
Tiền gửi ngân hàng	31.335.266.712	30.972.131.932
Tổng cộng	32.087.472.823	31.292.589.810

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đây là các khoản cho Công ty cổ phần Chứng khoán SJC vay thời hạn 6 tháng, lãi suất 9%/năm theo hợp đồng cho vay số 03-09/HĐCV ngày 08/06/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

3. Hàng tồn kho

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Nguyên vật liệu	2.675.473.495	4.056.693.574
Công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.102.769.603	6.686.665.115
Thành phẩm tồn kho	22.340.564.617	35.282.714.115
Hàng hoá	143.477.243.245	175.613.412.764
Cộng giá gốc hàng tồn kho (*)	173.596.050.960	221.639.485.568

(*): Bao gồm 100 tỷ đồng giá trị hàng tồn được đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng cung cấp tín dụng hạn mức số số TCBS 65205869 ngày 11/09/2009 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Ông Ích Khiêm.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	14.200.000.000	-
Tạm ứng	2.064.598.797	3.019.469.929
Tổng cộng	16.264.598.797	3.019.469.929

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Trần Xuân Soạn, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	9.690.458.242	1.472.185.083	7.634.260.792	85.430.437	18.882.334.554
Tăng trong năm	-	120.239.348	900.018.198	13.250.000	1.033.507.546
- <i>Tăng do mua mới</i>	-	120.239.348	900.018.198	13.250.000	1.033.507.546
Tại ngày 30/09/2009	9.690.458.242	1.592.424.431	8.534.278.990	98.680.437	19.915.842.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	4.188.480.049	1.012.174.442	3.739.435.705	1.801.574	8.941.891.770
Tăng trong năm	224.043.417	128.315.954	557.010.330	84.179.467	993.549.168
- <i>Trích KH trong năm</i>	224.043.417	128.315.954	557.010.330	84.179.467	993.549.168
Tại ngày 30/09/2009	4.412.523.466	1.140.490.396	4.296.446.035	85.981.041	9.935.440.938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2009	5.501.978.193	460.010.641	3.894.825.087	83.628.863	9.940.442.784
Tại ngày 30/09/2009	5.277.934.776	451.934.035	4.237.832.955	12.699.396	9.980.401.162

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Trần Xuân Soạn, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

6.

Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Tại ngày 01/01/2009	7.169.613.431	393.333.333	114.720.616	7.677.667.380
Tăng trong năm	45.657.009.166	180.000.000	-	45.837.009.166
- Tăng do mua mới	45.657.009.166	180.000.000	-	45.837.009.166
Tại ngày 30/09/2009	52.826.622.597	573.333.333	114.720.616	53.514.676.546
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2009	169.136.657	183.333.332	31.217.232	383.687.221
Tăng trong năm	606.425.820	108.333.334	27.760.168	742.519.322
- Trích khấu hao	606.425.820	108.333.334	27.760.168	742.519.322
Tại ngày 30/09/2009	775.562.477	291.666.666	58.977.400	1.126.206.543
Giá trị còn lại TSCĐ vô hình				
Tại ngày 01/01/2009	7.000.476.774	210.000.001	83.503.384	7.293.980.159
Tại ngày 30/09/2009	52.051.060.120	281.666.667	55.743.216	52.388.470.003

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 45.657.009.166 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	28.571.429	44.916.893.404
Trong đó: Những công trình lớn:		
<i>Quyền sử dụng lô đất tại 358 Kinh Dương Vương - Bình Tân</i>	-	44.916.893.404
<i>Công trình nhà làm việc chi nhánh Sóc Trăng</i>	28.571.429	-

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Hai Minh Long (1)	10.141.860.661	5.768.882.000
Công ty TNHH Bốn Đúng (2)	3.854.195.440	1.716.457.600
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kong (3)	8.090.166.694	4.740.000.000
Tổng cộng	22.086.222.795	12.225.339.600

(1) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Hai Minh Long: 20.000.000.000 đồng.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 50%
- Đồng kiểm soát.

(2) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Bốn Đúng: 30.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 50%
- Tỷ lệ biểu quyết: 50%

(3) Vốn điều lệ của Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kong: 27.200.000.000 đồng.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Nông Dược Hai: 30%
- Tỷ lệ biểu quyết: 30%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

9. Đầu tư dài hạn khác

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP bảo vệ thực vật Sài Gòn	2.084.390.000	2.084.390.000
Công ty CP khử trùng và giám định Việt Nam	21.207.900.000	21.207.900.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	11.551.750.000	11.551.750.000
Tổng cộng	34.844.040.000	34.844.040.000

10. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP bảo vệ thực vật Sài Gòn	(1.501.655.875)	(1.497.072.586)
Công ty CP khử trùng và giám định Việt Nam	(7.614.689.974)	(8.613.170.822)
Ngân hàng TMCP Việt Á	(7.366.752.912)	(7.738.149.584)
Tổng cộng	(16.483.098.761)	(17.848.392.992)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tiền thuê đất	1.827.698.539	1.863.771.538
Khác	625.622.473	891.316.447
Tổng cộng	2.453.321.012	2.755.087.985

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện do hợp nhất	20.942.235	43.863.365
Tổng cộng	20.942.235	43.863.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 30/09/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	144.616.585.532	149.623.298.885
- Ngân hàng NN&PTNT -CN Phú Nhuận (VND) (1)	28.411.283.707	20.965.931.523
- Ngân hàng NN&PTNT -CN Phú Nhuận (USD) (1)	22.765.471.208	44.627.567.228
- Ngân hàng HSBC (VND) (2)	18.000.036.634	20.761.892.205
- Ngân hàng HSBC (USD) (2)	56.951.096.449	50.654.309.363
- Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Sài Gòn (3)	6.288.697.534	7.113.598.566
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - CN Ông Ích Khiêm (4)	12.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đồng Xanh	-	5.500.000.000
Tổng cộng	144.616.585.532	149.623.298.885

(1) Hợp đồng tín dụng số 1604 - LAV- 200900844 ngày 29/05/2009, hạn mức tín dụng tương đương 100.000.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, lãi suất VND: 10,5%/năm; USD: 5%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(2) Hợp đồng tín dụng số VNMCĐT090447/MR ngày 19/07/2009, hạn mức tín dụng 5.000.000 USD với thời hạn 6 tháng, lãi suất VND và USD là chi phí vốn vay USD tại thời điểm vay tương ứng cộng với 1,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu.

(3) Hợp đồng tín dụng số 1600 -LAV-200900334 ngày 10/03/2009, hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng với thời hạn vay 12 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số TCBS 65205869 ngày 11/09/2009 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, nhằm bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay như sau:

- Từ 11/09/2009 đến 11/10/2009 là 10%/ năm
- Từ 11/10/2009 đến 11/12/2009 là 10,5%/ năm
- Từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/ lần.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay là Bất động sản của Công ty tại 358 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. HCM và 100 tỷ đồng giá trị hàng tồn kho của Công ty.

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại 30/09/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Doanh thu chưa thực hiện	676.004.876	1.435.445.701
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.693.205.393	4.782.191.269
Tổng cộng	8.369.210.269	6.217.636.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 30/09/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.379.576.309	1.343.781.216
Thuế xuất nhập khẩu	167.399.741	232.123.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.766.038.940	-
Thuế thu nhập cá nhân	53.465.517	18.977.887
Các loại thuế khác	-	252.237.824
Tổng cộng	6.366.480.507	1.847.120.776

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 30/9/2009 như sau:

	Số cam kết VND	Tỉ lệ %	Số đã góp VND	Tỉ lệ %	Chưa góp VND	Tỉ lệ %
- Vốn nhà nước	69.000.000.000	46%	69.000.000.000	46%	-	0%
- Vốn của cổ đông khác	81.000.000.000	54%	75.999.980.000	51%	5.000.020.000	3%
Tổng cộng	150.000.000.000	100%	144.999.980.000	97%	5.000.020.000	3%

16b. Cổ phiếu

	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.499.998	14.499.998
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.499.998	14.499.998
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.499.998	14.499.998
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	14.499.998	14.499.998
* Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 VND	10.000 VND

16c. Cổ tức

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua ngày 24/04/2009, cổ tức năm 2008 được chia theo tỷ lệ 20% trên mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
28 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

16.

Vốn chủ sở hữu (tiếp)

16d.

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2008	14.000.000.000	-	55.634.273.729	29.021.278.076	-	174.655.551.805
- Tăng vốn trong năm	30.999.980.000	13.582.394.000	-	-	-	144.582.374.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	22.225.328.922	22.225.328.922
- Lãi năm trước	-	-	(111.637.369)	-	111.637.369	-
- Trích quỹ trong năm	-	-	34.397.631	34.774.874	(304.660.274)	(235.487.769)
- Tăng khác	-	-	-	-	482.289.167	482.289.167
- Xử lý nợ khó đòi	-	-	-	(1.347.703.106)	-	(1.347.703.106)
- Bổ sung thuế TNDN năm 2007	-	-	(7.571.024.631)	-	-	(7.571.024.631)
- Giảm khác	-	-	(94.704.276)	-	-	(94.704.276)
Tại ngày 31/12/2008	44.999.980.000	13.582.394.000	47.891.305.083	3.708.349.844	42.514.595.183	132.696.624.112
Tại ngày 01/01/2009	44.999.980.000	13.582.394.000	47.891.305.083	3.708.349.844	42.514.595.183	132.696.624.112
- Lãi trong năm	-	-	-	-	48.468.487.835	48.468.487.835
- Trích quỹ trong năm(*)	-	-	6.935.780.048	-	(7.435.780.048)	(500.000.000)
- Chia cổ tức năm 2008(*)	-	-	-	-	(28.999.996.000)	(28.999.996.000)
- Giảm khác	-	-	(17.000.000)	-	(3.103.098)	(20.103.098)
Tại ngày 30/09/2009	44.999.980.000	13.582.394.000	54.810.085.133	3.708.349.844	44.544.203.875	151.645.012.849

(*) Đây là khoản phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua ngày 24/04/2009. Trong đó khoản chia cổ tức năm 2008 được bù đắp bằng lợi nhuận sau thuế năm 2009 là 13.696.807.355 đồng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 24/04/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	554.860.537.662	635.522.674.903
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	543.570.382.834	624.136.882.857
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.290.154.828	11.385.792.046
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	554.860.537.662	635.522.674.903

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	446.777.097.595	525.116.912.043
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.020.906.140	10.977.120.094
Tổng cộng	457.798.003.735	536.094.032.137

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi	1.334.584.608	1.858.120.617
Cổ tức, lợi nhuận được chia	660.340.344	927.497.750
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	78.325.978	1.818.892.187
Lãi bán hàng trả chậm	672.197	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.732.986	3.237.512
Tổng cộng	2.083.656.113	4.607.748.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.162.740.492	13.612.516.738
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.190.366.545	1.231.489.876
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	15.788.680.743	12.973.156.730
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	1.313.188.402	3.774.889.290
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.365.294.231)	17.848.392.992
Tổng cộng	26.089.681.951	49.440.445.626

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.136.675.842	2.377.634.377
Chi phí nhân viên	9.481.654.600	11.525.819.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.594.138.250	1.279.808.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.183.962.195	3.275.034.714
Chi phí khác bằng tiền	5.320.684.106	7.319.540.073
Tổng cộng	21.717.114.993	25.777.836.479

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Chi phí dụng cụ quản lý	255.042.889	363.360.160
Chi phí nhân viên quản lý	3.560.907.361	3.510.883.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.472.966	192.310.468
Thuế, phí và lệ phí	12.349.100	302.731.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.309.748	1.154.620.916
Chi phí bằng tiền khác	238.897.536	147.543.910
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.571.595.759)	4.343.481.285
Tổng cộng	3.759.383.841	10.014.932.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.498.209.172	6.978.745.568
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.498.209.172	6.978.745.568

8. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện do hợp nhất	22.921.130	67.774.004
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.921.130	67.774.004

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.468.487.835	22.225.328.922
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	48.468.487.835	22.225.328.922
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	14.499.998	13.724.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.343	1.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

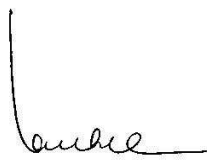
1. Một số thông tin đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

1	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn	Tại 30/09/2009	Tại 01/01/2009
1.1.	Bố trí cơ cấu tài sản		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	80,97	83,20
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	19,03	16,80
1.2.	Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	35,36	39,45
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	64,64	60,55
	Lợi ích của Cổ đông thiểu số/Tổng nguồn vốn (%)	0,00	0,00
2	Khả năng thanh toán		
2.1.	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,83	2,53
2.2.	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,29	2,11
2.3.	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,31	1,08
3	Tỷ suất sinh lời	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
3.1.	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu (%)	9,73	4,61
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	8,74	3,50
3.2.	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản (%)	9,69	6,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (%)	8,70	4,64
3.3.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	13,91	8,49

2. Số liệu so sánh

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty áp dụng niên độ kế toán mới từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 và đã được kiểm toán. Theo đó, số liệu này không hoàn toàn có thể so sánh được.

Giám đốc tài chính



Nguyễn Huỳnh Đăng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2009

Tổng Giám đốc



Đặng Thanh Cường